

**Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
kèm theo Báo cáo của Kiểm toán viên Độc lập  
và Báo cáo của Ban Giám đốc**



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	10

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

## 1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	28 tháng 3 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	-

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	28 tháng 3 năm 2012
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	-

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	16 tháng 3 năm 2012
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-

## 2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,   


NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số: 116-21-11 (FY 2012)

**Gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu và các công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản một cách tổng thể. Những thông tin bổ sung tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 3 từ trang 36 đến 42 không phải là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản này. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các thông tin này. Những thông tin này không phụ thuộc vào các thủ tục kiểm toán chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản và do đó, chúng tôi áp dụng không đưa ra ý kiến về các thông tin này.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



NGUYỄN QUỐC TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV

Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2013

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>182.088.257.702</b>	<b>110.909.466.465</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	63.350.560.781	15.980.838.005
Tiền	111		6.883.560.781	6.680.838.005
Các khoản tương đương tiền	112		56.467.000.000	9.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.063.615.151	11.964.268.392
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	11.063.615.151	11.964.268.392
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.206.088.538	63.249.431.341
Phải thu khách hàng	131	35	34.081.433.005	52.940.349.803
Trả trước cho người bán	132		1.089.897.244	2.764.498.644
Phải thu khác	135	6; 35	45.059.638.159	8.432.688.703
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.024.879.870)	(888.105.809)
Hàng tồn kho	140	8	20.674.823.138	12.519.647.683
Hàng tồn kho	141		22.761.086.014	14.185.609.618
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.086.262.876)	(1.665.961.935)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.793.170.094	7.195.281.044
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.730.999.144	2.800.399.164
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.386.713.903	1.405.024.507
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà Nước	153		1.081.030.526	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.594.426.521	2.989.857.373
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.374.393.047</b>	<b>85.261.382.995</b>
Tài sản cố định	220		729.840.246	2.408.821.985
Tài sản cố định hữu hình	221	11	591.661.800	1.106.490.288
- Nguyên giá	222		3.803.371.788	4.227.733.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.211.709.988)	(3.121.243.592)
Tài sản cố định vô hình	227	12	20.109.441	65.812.776
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.578.559)	(43.875.224)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	118.069.005	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	14	9.232.221.064	15.505.224.590
- Nguyên giá	241		39.999.680.784	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(30.767.459.720)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.915.498.608	49.436.003.495
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	-	42.110.236.397
Đầu tư dài hạn khác	258	16	5.915.498.608	7.325.767.098
Tài sản dài hạn khác	260		14.797.015.502	14.789.668.797
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	11.829.648.091	12.173.684.913
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32	36.888.698	48.187.637
Tài sản dài hạn khác	268	18	2.930.478.713	2.567.796.247
Lợi thế thương mại	269	19	2.699.817.627	3.121.664.128
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>215.462.650.749</b>	<b>196.170.849.460</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.955.890.484</b>	<b>53.386.743.247</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.678.824.714</b>	<b>50.587.920.647</b>
Vay ngắn hạn	311	20	3.571.344.188	5.207.272.550
Phải trả người bán	312	35	16.065.012.140	26.505.620.015
Người mua trả tiền trước	313		3.019.550.196	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	21	16.110.722.747	7.302.417.343
Phải trả người lao động	315		2.500.000	395.718.602
Chi phí phải trả	316	22	630.556.725	2.447.976.539
Phải trả khác	319	23; 35	8.801.676.719	2.782.051.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.372.649.866	3.056.598.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.104.812.133	2.002.535.355
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.277.065.770</b>	<b>2.798.822.600</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	138.906.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		7.058.045.834	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.219.019.936	1.632.749.146
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>149.496.843.867</b>	<b>134.278.740.860</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>149.496.843.867</b>	<b>134.278.740.860</b>
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(1.007.355.357)	(286.125.132)
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.421.132.831	4.274.096.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		49.635.248.261	31.842.951.838
<b>LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>6.009.916.398</b>	<b>8.505.365.353</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>215.462.650.749</b>	<b>196.170.849.460</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết		Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	Mã số	minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	175.737.654.867	202.887.667.166
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	(60.698.220)	(8.736.000)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	175.676.956.647	202.878.931.166
Giá vốn hàng bán	11	27; 36	(117.243.912.112)	(138.376.552.500)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.433.044.535	64.502.378.666
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	35.344.330.405	2.985.106.438
Chi phí tài chính	22	29	(1.139.713.886)	(2.034.706.999)
Chi phí bán hàng	24	36	(17.214.237.577)	(16.652.943.565)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36	(16.501.222.148)	(11.427.101.831)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.922.201.329	37.372.732.709
Thu nhập khác	31	30	635.297.337	909.620.215
Chi phí khác	32	31	(4.325.205.955)	(168.410.968)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		(3.689.908.618)	741.209.247
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	15	14.609.163.603	5.447.836.512
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.841.456.314	43.561.778.468
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	(18.574.622.607)	(5.773.834.695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(11.298.939)	(161.847.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.255.534.768	37.626.096.116
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	25	2.290.381.045	3.871.672.852
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	24	48.965.153.723	33.754.423.264
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	5.314	3.662

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập: *Mi*

*Phan Thị Kim Anh*

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



*Nguyễn Hữu Dũng*  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		minh	kết thúc	kết thúc
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		69.841.456.314	43.561.778.468
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.355.691.444	7.159.389.743
Thay đổi các khoản dự phòng	03		557.075.002	204.594.461
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	04		(380.303.239)	(203.984.527)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(59.807.759.927)	(7.498.422.623)
Chi phí lãi vay	06		788.832.433	935.923.949
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động</b>				
	08		20.354.992.027	44.159.279.471
Giảm các khoản phải thu	09		32.307.237.414	6.544.377.198
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(8.575.476.396)	8.439.739.918
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		1.423.006.595	(8.538.233.625)
Tăng chi phí trả trước	12		(586.563.158)	(11.768.592.468)
Tiền lãi vay đã trả	13		(910.005.368)	(844.071.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.040.998.048)	(5.934.426.524)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.395.430.852	63.675.632
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.033.387.089)	(1.387.392.965)
<b>Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28.334.236.829</b>	<b>30.734.354.765</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.047.057.848)	(1.043.633.816)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		335.501.409	214.303.785
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.844.035.642)	(101.266.233.395)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.523.953.923	107.698.495.322
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26		31.061.186.970	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.134.424.210	2.043.515.470
Tiền chi thuần để mua công ty con	28		-	(2.695.887.298)
<b>Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>54.163.973.022</b>	<b>4.950.560.068</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(721.230.225)	(60.784.000)
Tiền vay nhận được	33		4.336.114.000	15.980.989.878
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.290.972.550)	(17.179.359.053)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.452.398.300)	(31.984.548.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.128.487.075)</b>	<b>(33.243.701.875)</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
TĂNG TIỀN THUẬN TRONG KỶ/NĂM	50		47.369.722.776	2.441.212.958
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ/NĂM	60	4	15.980.838.005	13.539.625.047
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ/NĂM</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>63.350.560.781</b>	<b>15.980.838.005</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong kỳ/năm có các giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	30.002.973.940	-
Phải trả người bán chuyển sang vay ngắn hạn	2.318.930.188	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	110.000.000	-

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013



Người phê duyệt: 

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong Công ty liên kết.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động của Tập đoàn là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý ký gởi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Tập đoàn là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Tập đoàn gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	4.129.249	44,71%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.767.536	19,14%
Ông Nguyễn Hữu Dũng	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	182.034	1,97%
Cổ phiếu quỹ	58.650	0,63%
Các cổ đông khác	2.555.638	27,67%
	<b>9.236.446</b>	<b>100,00%</b>

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có ba công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử.	51,00%
Công ty Cổ phần Inno	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	99,96%
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.	100,00%

## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (\*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này không bao gồm báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty và các công ty con có 95 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 109 nhân viên).

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

#### **2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

#### **2.2. Cơ sở hợp nhất**

##### Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

##### Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được loại trừ với khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

### 2.3. Năm tài chính

Trong năm, Tập đoàn đã thay đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3. Những năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ mười lăm (15) tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

### 2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 2.6. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Các tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

##### *Các khoản nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà Nước, chi phí phải trả, phải trả khác và dự phòng phải trả ngắn hạn.

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu cho việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### 2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

### 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

### *2.11. Tài sản cố định vô hình*

#### Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### *2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

### *2.13. Bất động sản đầu tư*

#### Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

### 2.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### 2.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

### 2.16. Chi phí trả trước dài hạn

#### Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 30 năm kể từ ngày của hợp đồng thuê.

### 2.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 2.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí, cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

### 2.20. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

#### Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

### 2.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

### 2.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

### 2.23. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **2.24. Báo cáo bộ phận**

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý.

### **2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan tới các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **2.26. Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

### **2.27. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

### **2.28. Các sự kiện không chắc chắn**

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

### 2.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

### Các khu vực địa lý

	Nước ngoài		Khu vực phía Bắc		Khu vực miền Trung		Khu vực phía Nam		Hợp nhất	
	Kỳ này (a)	Kỳ trước (b)	Kỳ này (a)	Kỳ trước (b)	Kỳ này (a)	Kỳ trước (b)	Kỳ này (a)	Kỳ trước (b)	Kỳ này (a)	Kỳ trước (b)
Doanh thu bên ngoài	-	2.115.450.344	87.617.025.546	85.796.211.495	4.704.641.019	11.728.506.669	83.355.290.082	103.238.762.658	175.676.956.647	202.878.931.166
Giá vốn hàng bán	-	(1.602.021.628)	(67.036.242.982)	(59.278.503.255)	(2.890.809.913)	(8.278.299.536)	(47.316.859.217)	(69.217.726.081)	(117.243.912.112)	(138.376.552.500)
Lãi gộp	-	513.428.716	20.580.782.564	26.517.708.240	1.813.831.106	3.450.207.133	36.038.430.865	34.021.034.577	58.433.044.535	64.502.378.666

(a) Kỳ này: cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013.

(b) Kỳ trước: cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	1.780.290.697	127.077.746
Tiền gửi ngân hàng	5.103.270.084	6.553.760.259
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	56.467.000.000	9.300.000.000
	<b>63.350.560.781</b>	<b>15.980.838.005</b>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	937	1.907
- Euro ("EUR")	205	436

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ, với lãi suất 16,20% một năm (2011: 135.000 USD với lãi suất 3,96% một năm)	10.460.000.000	2.781.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết, với lãi suất 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18,00% đến 19,80% một năm)	-	6.468.268.392
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh, bên liên quan, với lãi suất 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18,00% đến 19,80% một năm)	-	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	603.615.151	715.000.000
	<b>11.063.615.151</b>	<b>11.964.268.392</b>

### 6. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	30.002.973.940	-
Phải thu cổ tức	7.380.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ	2.850.000.000	6.550.000.000
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	2.290.361.777	283.520.641
Phải thu vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	1.058.213.030	-
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	110.000.000	-
Phải thu phí tiện ích	80.456.228	109.041.600
Phải thu khác	287.633.184	490.126.462
	<b>45.059.638.159</b>	<b>8.432.688.703</b>

(\*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	888.105.809	1.059.448.208
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	921.304.277	360.167.928
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(784.530.216)	(531.510.327)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>1.024.879.870</b>	<b>888.105.809</b>

### 8. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên vật liệu	2.648.873.900	3.360.751.542
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.862.180.016	3.711.344.939
Thành phẩm	418.215.642	372.680.902
Hàng hóa	10.831.816.456	6.740.832.235
	<b>22.761.086.014</b>	<b>14.185.609.618</b>
Dự phòng hàng tồn kho	(2.086.262.876)	(1.665.961.935)
	<b>20.674.823.138</b>	<b>12.519.647.683</b>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.665.961.935	1.290.025.075
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	420.300.941	375.936.860
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>2.086.262.876</b>	<b>1.665.961.935</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Thuê đất cho trạm thu phát sóng	1.489.537.153	2.268.652.078
Chi phí chờ phân bổ	1.981.750.000	-
Dụng cụ văn phòng	249.624.709	503.140.308
Công cụ và dụng cụ	10.087.282	28.606.778
	<b>3.730.999.144</b>	<b>2.800.399.164</b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tạm ứng	1.122.096.535	2.199.287.401
Đặt cọc ngắn hạn	472.329.986	790.569.972
	<b>1.594.426.521</b>	<b>2.989.857.373</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	139.106.240	361.322.879	2.639.315.755	1.087.989.006	4.227.733.880
Tăng trong kỳ	-	-	-	121.459.090	121.459.090
Tăng khác	-	-	-	55.162.335	55.162.335
Thanh lý	-	-	(350.084.760)	(250.898.757)	(600.983.517)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>139.106.240</b>	<b>361.322.879</b>	<b>2.289.230.995</b>	<b>1.013.711.674</b>	<b>3.803.371.788</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	(2.060.834)	(287.743.013)	(2.085.481.367)	(745.958.378)	(3.121.243.592)
Hao mòn trong kỳ	(28.980.480)	(22.732.755)	(319.936.800)	(242.928.198)	(614.578.233)
Tăng khác	-	-	-	(55.162.335)	(55.162.335)
Thanh lý	-	-	350.084.760	229.189.412	579.274.172
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(31.041.314)</b>	<b>(310.475.768)</b>	<b>(2.055.333.407)</b>	<b>(814.859.499)</b>	<b>(3.211.709.988)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	137.045.406	73.579.866	553.834.388	342.030.628	1.106.490.288
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>108.064.926</b>	<b>50.847.111</b>	<b>233.897.588</b>	<b>198.852.175</b>	<b>591.661.800</b>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.471 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 1.798 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	109.688.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	(43.875.224)
Hao mòn trong kỳ	(45.703.335)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(89.578.559)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	65.812.776
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.109.441</b>

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.236.518.921	1.134.073.419
Tăng trong kỳ/năm	518.311.417	649.014.112
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.636.761.333)	(546.568.610)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>118.069.005</b>	<b>1.236.518.921</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 14. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	38.179.543.108
Tăng trong kỳ	407.287.341
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.636.761.333
Thanh lý	(202.012.815)
Xóa sổ	(21.898.183)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>39.999.680.784</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(22.674.318.518)
Hao mòn trong kỳ	(8.273.563.375)
Thanh lý	158.523.990
Xóa sổ	21.898.183
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(30.767.459.720)</b>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.505.224.590
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.232.221.064</b>

### 15. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ, tương đương 41% vốn cổ phần của GIJ.

Biến động giá trị sở hữu của Công ty trong GIJ trong kỳ/năm như sau :

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	42.110.236.397	36.342.527.936
Thu nhập trong kỳ/năm	14.609.163.603	5.447.836.512
Cổ tức được chia	(24.600.000.000)	-
Điều chỉnh năm trước	-	319.871.949
Chuyển nhượng	(32.119.400.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>-</b>	<b>42.110.236.397</b>

### 16. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	2.984.946.608	4.395.215.098
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
	<b>5.915.498.608</b>	<b>7.325.767.098</b>

(a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với số tiền là 100.000 USD.



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (b) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Chi phí bảo hành, bảo trì trạm	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	11.178.562.500	617.805.771	377.316.642	12.173.684.913
Tăng trong kỳ	-	925.089.492	185.391.516	1.110.481.008
Phân bổ trong kỳ	(469.687.500)	(697.162.265)	(287.668.065)	(1.454.517.830)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.708.875.000</b>	<b>845.732.998</b>	<b>275.040.093</b>	<b>11.829.648.091</b>

### 18. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Đặt cọc tiền thuê	2.251.054.285	2.170.850.000
Thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	151.864.428	182.136.247
Đặt cọc khác	527.560.000	214.810.000
	<b>2.930.478.713</b>	<b>2.567.796.247</b>

### 19. Lợi thế thương mại

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	3.121.664.128	3.374.772.030
Phân bổ trong kỳ/năm	(421.846.501)	(253.107.902)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>2.699.817.627</b>	<b>3.121.664.128</b>

### 20. Vay ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không phải đảm bảo và chịu lãi suất từ 1,00% đến 1,65% một tháng (2011: 1,40% đến 1,65% một tháng)	1.252.414.000	2.530.384.000
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 18,5% một năm (2011: 6,5% đến 18,5% một năm)	2.318.930.188	2.676.888.550
	<b>3.571.344.188</b>	<b>5.207.272.550</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 21. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	411.959.208	697.249.724
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	205.447.817	140.950.125
Thuế xuất nhập khẩu	34.474.672	63.464.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.312.276.962	5.778.652.403
Thuế thu nhập cá nhân	146.564.088	355.292.828
Thuế nhà thầu	-	266.807.545
	<b>16.110.722.747</b>	<b>7.302.417.343</b>

### 22. Chi phí phải trả

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	558.193.744	1.024.507.122
Chi phí lãi vay	12.600.000	133.772.935
Chi phí tư vấn thiết kế, giám sát và lắp đặt cho dự án	59.762.981	1.176.000.000
Chi phí dịch vụ chuyên môn	-	88.000.000
Chi phí khác	-	25.696.482
	<b>630.556.725</b>	<b>2.447.976.539</b>

### 23. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền phạt chậm nộp thuế	4.059.820.569	-
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	2.284.416.897	958.857.266
Phải trả cổ tức	1.568.000.000	960.000.000
Phí tiện ích	257.878.383	206.626.014
Tiền thuê đất từ bên liên quan	169.683.333	284.348.160
Quỹ phúc lợi phải trả Công ty mẹ	40.898.290	113.675.000
Phải trả khác	420.979.247	258.545.469
	<b>8.801.676.719</b>	<b>2.782.051.909</b>

(\*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 24. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>6.083.358.132</b>	<b>(225.341.132)</b>	<b>237.615.549</b>	<b>4.241.456.022</b>	<b>28.628.768.332</b>	<b>131.330.316.903</b>
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	33.754.423.264	33.754.423.264
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.488.548.700)	(29.488.548.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	32.640.000	(1.609.178.556)	(1.576.538.556)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(237.615.549)	-	237.615.549	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	-	319.871.949	319.871.949
<b>Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>6.083.358.132</b>	<b>(286.125.132)</b>	<b>-</b>	<b>4.274.096.022</b>	<b>31.842.951.838</b>	<b>134.278.740.860</b>
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	48.965.153.723	48.965.153.723
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(25.748.398.300)	(25.748.398.300)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	3.229.929.000	(5.424.459.000)	(2.194.530.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(721.230.225)	-	-	-	(721.230.225)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	-	-	-	-	(5.082.892.191)	-	(5.082.892.191)
<b>Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2013</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>6.083.358.132</b>	<b>(1.007.355.357)</b>	<b>-</b>	<b>2.421.132.831</b>	<b>49.635.248.261</b>	<b>149.496.843.867</b>

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(58.650)	(1.007.355.357)	(19.750)	(286.125.132)
<b>Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành</b>	<b>9.177.796</b>	<b>91.357.104.643</b>	<b>9.216.696</b>	<b>92.078.334.868</b>

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

### 25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ /năm	8.505.365.353	7.868.454.313
Lãi thuần trong kỳ/năm	2.290.381.045	3.871.672.852
Cổ tức được chia	(4.704.000.000)	(3.136.000.000)
Trích lập các quỹ	(81.830.000)	(98.000.000)
Khác	-	(761.812)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>6.009.916.398</b>	<b>8.505.365.353</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa sản phẩm tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	137.659.012.282	174.381.356.457
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	38.078.642.585	28.506.310.709
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>175.737.654.867</b>	<b>202.887.667.166</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(60.698.220)	(8.736.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>175.676.956.647</b>	<b>202.878.931.166</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Giá vốn của hàng hóa sản phẩm tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	95.417.831.232	122.308.958.856
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	21.405.779.939	15.691.656.784
Dự phòng hàng tồn kho	420.300.941	375.936.860
	<b>117.243.912.112</b>	<b>138.376.552.500</b>

### 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, Công ty liên kết	30.002.973.940	-
Lãi tiền gửi	4.235.358.898	1.145.205.960
Lãi cho vay	969.427.089	965.380.151
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	136.112.589	874.520.327
Khác	457.889	-
	<b>35.344.330.405</b>	<b>2.985.106.438</b>

### 29. Chi phí tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí lãi vay	788.832.433	935.923.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	175.038.968	1.038.783.050
Chi phí mượn tài sản thế chấp	165.742.299	-
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	60.000.000
Khác	10.100.186	-
	<b>1.139.713.886</b>	<b>2.034.706.999</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 30. Thu nhập khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	445.501.409	214.303.785
Hoàn nhập các khoản dự phòng	53.925.555	307.383.533
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng và chậm thanh toán	14.255.997	330.741.408
Thu nhập khác	121.614.376	57.191.489
	<b>635.297.337</b>	<b>909.620.215</b>

### 31. Chi phí khác

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Phạt do chậm nộp thuế	4.059.970.701	-
Tiền chi từ phạt chậm thanh toán	92.218.586	85.167.032
Giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư đã thanh lý	65.198.170	10.319.258
Chi phí khác	107.818.498	72.924.678
	<b>4.325.205.955</b>	<b>168.410.968</b>

### 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem và Công ty Cổ phần Inno có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Nghị định Số 60/2012/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 29/2012/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2012.

#### Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ/năm được tính như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ/năm hiện hành	13.569.035.884	5.773.834.695
Dự phòng thiếu những năm trước	5.005.586.723	-
	<b>18.574.622.607</b>	<b>5.773.834.695</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	11.298.939	161.847.657
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>18.585.921.546</b>	<b>5.935.682.352</b>

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011	
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>69.841.456.314</b>		<b>43.561.778.468</b>	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	17.460.364.079	25,00%	10.890.444.617	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	1.170.386.951	1,68%	199.292.441	0,46%
Ưu đãi thuế	-	-	(1.469.039.363)	(3,37%)
Giảm thuế	(1.706.458.347)	(2,44%)	(2.348.352.451)	(5,39%)
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(3.474.655.591)	(4,98%)	(1.361.959.128)	(3,13%)
Tài sản thuế hoãn lại trên các khoản lỗ thuế không được ghi nhận	119.398.792	0,17%	25.296.236	0,06%
Chênh lệch do thay đổi thuế suất	11.298.939	0,02%	-	-
Dự phòng thiếu những năm trước	5.005.586.723	7,17%	-	-
	<b>18.585.921.546</b>	<b>26,62%</b>	<b>5.935.682.352</b>	<b>13,63%</b>

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí bảo hành phải trả	48.187.637	(11.298.939)	36.888.698

### 33. Lãi trên cổ phiếu

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông là 48.965.153.723 VNĐ (2011: 33.754.423.264 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 9.214.799 cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2011: 9.216.740 cổ phiếu). Thu nhập trên mỗi cổ phần được tính như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
<b>Lãi thuần phân phối cho cổ đông</b>	<b>48.965.153.723</b>	<b>33.754.423.264</b>
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/năm	9.236.446	9.218.696
Ảnh hưởng mua lại cổ phiếu quỹ	(38.900)	(1.956)
<b>Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm</b>	<b>9.214.799</b>	<b>9.216.740</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.314</b>	<b>3.662</b>

#### Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 34. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Tập đoàn chịu rủi ro tiền tệ từ các giao dịch mua và bán hàng phát sinh bằng các đơn vị ngoại tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ tuân được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
	USD	USD
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	937	1.907
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	135.000
Trả trước cho người bán	24.714	-
	<b>25.651</b>	<b>136.907</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	282.042	269.569

#### *Rủi ro lãi suất*

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Tập đoàn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Tập đoàn được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

### Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Tập đoàn Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
<b>31 tháng 3 năm 2013</b>			
Vay ngắn hạn	3.571.344.188	-	3.571.344.188
Phải trả người bán	15.731.914.765	333.097.375	16.065.012.140
Người mua trả tiền trước	3.019.550.196	-	3.019.550.196
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà Nước	16.110.722.747	-	16.110.722.747
Phải trả người lao động	2.500.000	-	2.500.000
Chi phí phải trả	359.748.961	270.807.764	630.556.725
Phải trả khác	7.752.319.453	1.049.357.266	8.801.676.719
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.372.649.866	-	1.372.649.866
	<b>47.920.750.176</b>	<b>1.653.262.405</b>	<b>49.574.012.581</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>			
Vay ngắn hạn	5.207.272.550	-	5.207.272.550
Phải trả người bán	26.212.736.012	292.884.003	26.505.620.015
Người mua trả tiền trước	836.167.728	51.562.500	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà Nước	7.302.417.343	-	7.302.417.343
Phải trả người lao động	395.718.602	-	395.718.602
Chi phí phải trả	2.229.416.539	218.560.000	2.447.976.539
Phải trả khác	2.693.924.893	88.127.016	2.782.051.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.056.598.106	-	3.056.598.106
	<b>47.934.251.773</b>	<b>651.133.519</b>	<b>48.585.385.292</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh của Tập đoàn. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
<b>31 tháng 3 năm 2013</b>			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.063.615.151	-	11.063.615.151
Phải thu khách hàng	30.806.215.470	3.275.217.535	34.081.433.005
Trả trước cho người bán	1.057.169.773	32.727.471	1.089.897.244
Phải thu khác	43.918.254.826	1.141.383.333	45.059.638.159
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.386.713.903	-	1.386.713.903
Tài sản ngắn hạn khác	1.594.426.521	-	1.594.426.521
Đầu tư dài hạn khác	-	5.915.498.608	5.915.498.608
Tài sản dài hạn khác	-	2.930.478.713	2.930.478.713
	<b>89.826.395.644</b>	<b>13.295.305.660</b>	<b>103.121.701.304</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.964.268.392	-	11.964.268.392
Phải thu khách hàng	44.069.574.578	8.870.775.225	52.940.349.803
Trả trước cho người bán	2.371.183.497	393.315.147	2.764.498.644
Phải thu khác	1.820.034.343	6.612.654.360	8.432.688.703
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.405.024.507	-	1.405.024.507
Tài sản ngắn hạn khác	2.989.857.373	-	2.989.857.373
Đầu tư dài hạn khác	-	7.325.767.098	7.325.767.098
Tài sản dài hạn khác	-	2.567.796.247	2.567.796.247
	<b>64.619.942.690</b>	<b>25.770.308.077</b>	<b>90.390.250.767</b>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	1.057.545.000	92.706.000
	Mượn tiền	(1.100.000.000)	(800.000.000)
	Vay	-	(200.000.000)
	Chi phí lãi vay	(464.661.667)	(192.368.543)
	Lãi vay đến hạn	134.066.916	-
	Ban Giám đốc	Tạm ứng	29.704.545
Ban Giám đốc	Vay	-	(1.000.000.000)
	Mượn tiền	(820.550.000)	(410.000.000)
	Trả lãi cổ đông	(6.500.000)	-

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>Các khoản phải thu</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	-	96.239.095
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	106.807.318	71.000.000
<b>Các khoản phải trả</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	-	(8.298.355)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.940.242.489	3.139.088.550

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính	
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011	
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và thành phẩm	356.154.343	2.191.755.112	
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(272.378.235)	(1.060.821.154)	
		Phải thu chi phí tiện ích	124.079.555	11.672.500	
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(4.029.196.622)	(2.423.788.211)	
		Cho vay	13.340.500.000	2.781.000.000	
		Lãi cho vay	461.846.850	46.659.000	
		Cho mượn tiền	5.600.000.000	8.650.000.000	
		Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(783.462.324)	-	
		Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(1.734.114.412)	-	
		Ký quỹ thuê văn phòng	84.967.785	-	
		Cổ tức đã trả	-	(12.670.656.800)	

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	633.925.222	10.281.704.251
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.275.748.768)	(745.580.536)
		Phải thu phí tiện ích	13.222.218	115.983.501
		Phải trả chi phí tiện ích	(15.515.475)	(99.457.995)
		Xuất hộ thuê trạm	709.108.006	828.748.620
		Chi hộ chi phí thuê trạm	860.447.369	(593.200.000)
		Cho vay	6.768.996.550	20.993.333.773
		Lãi cho vay	257.791.345	618.050.166
		Cổ tức nhận được	24.600.000.000	-
		Cho mượn tiền	174.000.000	-
		Mượn tiền	(25.000.000)	-
		Đi vay	-	(210.000.000)
		Phải thu phạt chậm thanh toán	-	417.904.680
		Mượn tiền	(860.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(990.500)	(735.507)
		Phải thu phí tiện ích	31.323.704	12.702.404
		Phải trả phí tiện ích	(277.500)	(3.137.000)
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	348.699.740	101.917.360
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(593.741)
		Phải thu phí tiện ích	84.294.734	18.666.530
		Phải trả phí tiện ích	(1.862.500)	(6.365.000)
		Cho vay	33.000.000	1.500.000.000
		Lãi cho vay	363.000	27.250.000
		Cho mượn	60.000.000	38.000.000
Phải thu phạt chậm thanh toán	-	6.506.250		
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	25.707.000	139.197.875
		Phải thu phí tiện ích	34.230.059	19.987.338
		Phải trả phí tiện ích	(6.664.850)	(5.095.500)
		Cho vay	-	1.000.000.000
		Lãi cho vay	1.125.000	16.500.000
Cho mượn	-	765.000.000		
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.481.827.068	803.364.973
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(370.188.790)	(2.017.754.902)
		Phải thu phí tiện ích	66.819.539	23.300.050
		Phải trả phí tiện ích	(2.878.500)	-
		Cho vay	1.200.000.000	12.300.000.000
Lãi cho vay	20.530.000	96.400.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	3.041.613.879	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(12.000.000)	-
		Phải thu phí tiện ích	-	764.091
		Phải trả phí tiện ích	(2.595.000)	(11.178.000)
		Mượn tiền	(472.611.563)	-

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(140.108.000)	-
		Cổ tức công bố	(2.784.000.000)	(1.856.000.000)
		Cổ tức đã trả	(1.856.000.000)	(1.856.000.000)
Atlas CSF SDN.	Bên liên quan	Cổ tức công bố	(1.920.000.000)	(1.280.000.000)
		Cổ tức đã trả	(2.240.000.000)	(640.000.000)

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	-	9.385.340.850
		Phải thu phi thương mại	13.620.058.685	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	72.992.115	2.225.178.489
		Phải thu phi thương mại	7.383.076.950	6.593.438.049
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.679.778	11.036.744
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	29.194.035	25.273.933
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	107.217.663
		Phải thu phi thương mại	7.576.855	12.520.572
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	339.472.792	412.082.874
		Phải thu phi thương mại	9.958.284	2.020.885.480
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	296.091.730	-
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải trả thương mại	(254.405.185)	(1.206.844.380)
		Phải trả phi thương mại	(2.228.049.658)	(844.532.116)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(70.717.023)	(513.102.668)
		Phải trả phi thương mại	(670.343.663)	(37.416.090)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(33.889.927)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(161.480.789)	(423.398.045)
		Phải trả phi thương mại	(3.166.350)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(2.498.638.895)	-
		Phải trả phi thương mại	(795.072.280)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(4.791.600)	-
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(991.562.217)	(958.857.266)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(928.000.000)	-
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(640.000.000)	(960.000.000)

### 36. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	98.149.255.787	93.548.099.149
Chi phí công nhân viên	18.647.747.973	15.759.684.602
Chi phí vật liệu	15.244.318.441	14.487.864.714
Chi phí khấu hao	9.355.691.444	7.159.389.743
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	354.654.213	437.311.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.194.336.814	25.337.931.249
Chi phí khác	1.300.721.203	3.363.247.907

Người lập: 




PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 Chưa kiểm toán	31 tháng 12 năm 2011
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>182.088.257.702</b>	<b>118.267.993.337</b>	<b>110.909.466.465</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	63.350.560.781	23.246.250.358	15.980.838.005
Tiền	111	6.883.560.781	6.646.250.358	6.680.838.005
Các khoản tương đương tiền	112	56.467.000.000	16.600.000.000	9.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11.063.615.151	9.512.090.818	11.964.268.392
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	11.063.615.151	9.512.090.818	11.964.268.392
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	79.206.088.538	59.839.987.080	63.249.431.341
Phải thu khách hàng	131	34.081.433.005	49.231.048.760	52.940.349.803
Trả trước cho người bán	132	1.089.897.244	1.727.616.239	2.764.498.644
Phải thu khác	135	45.059.638.159	9.769.427.890	8.432.688.703
Dự phòng phải thu khó đòi	139	(1.024.879.870)	(888.105.809)	(888.105.809)
Hàng tồn kho	140	20.674.823.138	18.032.167.712	12.519.647.683
Hàng tồn kho	141	22.761.086.014	19.698.129.647	14.185.609.618
Dự phòng hàng tồn kho	149	(2.086.262.876)	(1.665.961.935)	(1.665.961.935)
Tài sản ngắn hạn khác	150	7.793.170.094	7.637.497.369	7.195.281.044
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.730.999.144	2.332.665.370	2.800.399.164
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.386.713.903	2.957.042.299	1.405.024.507
Thuế và các khoản phải thu	153			
Ngân sách Nhà Nước		1.081.030.526	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.594.426.521	2.347.789.700	2.989.857.373
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>33.374.393.047</b>	<b>85.146.397.767</b>	<b>85.261.382.995</b>
Tài sản cố định	220	729.840.246	2.417.387.505	2.408.821.985
Tài sản cố định hữu hình	221	591.661.800	1.024.541.149	1.106.490.288
- Nguyên giá	222	3.803.371.788	4.279.097.516	4.227.733.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(3.211.709.988)	(3.254.556.367)	(3.121.243.592)
Tài sản cố định vô hình	227	20.109.441	56.672.109	65.812.776
- Nguyên giá	228	109.688.000	109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(89.578.559)	(53.015.891)	(43.875.224)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	118.069.005	1.336.174.247	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	9.232.221.064	13.930.799.252	15.505.224.590
- Nguyên giá	241	39.999.680.784	38.186.735.835	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(30.767.459.720)	(24.255.936.583)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.915.498.608	50.810.782.648	49.436.003.495
Đầu tư vào công ty liên kết	252	-	43.685.634.550	42.110.236.397
Đầu tư dài hạn	258	5.915.498.608	7.125.148.098	7.325.767.098
Tài sản dài hạn khác	260	14.797.015.502	14.950.133.535	14.789.668.797
Chi phí trả trước dài hạn	261	11.829.648.091	11.981.349.530	12.173.684.913
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36.888.698	48.187.637	48.187.637
Tài sản dài hạn khác	268	2.930.478.713	2.920.596.368	2.567.796.247
Lợi thế thương mại	269	2.699.817.627	3.037.294.827	3.121.664.128
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>215.462.650.749</b>	<b>203.414.391.104</b>	<b>196.170.849.460</b>

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012	
			Chưa kiểm toán	31 tháng 12 năm 2011
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>59.955.890.484</b>	<b>55.881.396.202</b>	<b>53.386.743.247</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>51.678.824.714</b>	<b>47.118.588.786</b>	<b>50.587.920.647</b>
Vay ngắn hạn	311	3.571.344.188	1.730.384.000	5.207.272.550
Phải trả người bán	312	16.065.012.140	24.900.587.928	26.505.620.015
Người mua trả tiền trước	313	3.019.550.196	3.452.001.685	887.730.228
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	314	16.110.722.747	8.117.181.520	7.302.417.343
Phải trả người lao động	315	2.500.000	506.032.037	395.718.602
Chi phí phải trả	316	630.556.725	1.355.047.231	2.447.976.539
Phải trả khác	319	8.801.676.719	3.467.796.039	2.782.051.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	1.372.649.866	2.527.947.255	3.056.598.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.104.812.133	1.061.611.091	2.002.535.355
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>8.277.065.770</b>	<b>8.762.807.416</b>	<b>2.798.822.600</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	130.226.832	138.906.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	7.058.045.834	7.100.578.916	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	1.219.019.936	1.532.001.668	1.632.749.146
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>149.496.843.867</b>	<b>138.742.187.622</b>	<b>134.278.740.860</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>149.496.843.867</b>	<b>138.742.187.622</b>	<b>134.278.740.860</b>
Vốn cổ phần	411	92.364.460.000	92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	6.083.358.132	6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414	(1.007.355.357)	(286.125.132)	(286.125.132)
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.421.132.831	4.274.096.022	4.274.096.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420	49.635.248.261	36.306.398.600	31.842.951.838
<b>LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>6.009.916.398</b>	<b>8.790.807.280</b>	<b>8.505.365.353</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>215.462.650.749</b>	<b>203.414.391.104</b>	<b>196.170.849.460</b>

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:

  
  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31.015.675.465	144.721.979.402	175.737.654.867	202.887.667.166
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	(60.698.220)	(60.698.220)	(8.736.000)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>31.015.675.465</b>	<b>144.661.281.182</b>	<b>175.676.956.647</b>	<b>202.878.931.166</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>(21.189.710.679)</b>	<b>(96.054.201.433)</b>	<b>(117.243.912.112)</b>	<b>(138.376.552.500)</b>
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>9.825.964.786</b>	<b>48.607.079.749</b>	<b>58.433.044.535</b>	<b>64.502.378.666</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	472.763.060	34.871.567.345	35.344.330.405	2.985.106.438
Chi phí tài chính	22	(270.280.348)	(869.433.538)	(1.139.713.886)	(2.034.706.999)
Chi phí bán hàng	24	(3.017.895.907)	(14.196.341.670)	(17.214.237.577)	(16.652.943.565)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(2.689.895.649)	(13.811.326.499)	(16.501.222.148)	(11.427.101.831)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>4.320.655.942</b>	<b>54.601.545.387</b>	<b>58.922.201.329</b>	<b>37.372.732.709</b>
Thu nhập khác	31	8.035.377	627.261.960	635.297.337	909.620.215
Chi phí khác	32	(6.252.133)	(4.318.953.822)	(4.325.205.955)	(168.410.968)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>40</b>	<b>1.783.244</b>	<b>(3.691.691.862)</b>	<b>(3.689.908.618)</b>	<b>741.209.247</b>
<b>Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>	<b>45</b>	<b>1.575.398.153</b>	<b>13.033.765.450</b>	<b>14.609.163.603</b>	<b>5.447.836.512</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>5.897.837.339</b>	<b>63.943.618.975</b>	<b>69.841.456.314</b>	<b>43.561.778.468</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(859.537.650)	(17.715.084.957)	(18.574.622.607)	(5.773.834.695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(11.298.939)	(11.298.939)	(161.847.657)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>5.038.299.689</b>	<b>46.217.235.079</b>	<b>51.255.534.768</b>	<b>37.626.096.116</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và  
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	285.441.927	2.004.939.118	2.290.381.045	3.871.672.852
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	4.752.857.762	44.212.295.961	48.965.153.723	33.754.423.264
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>515</b>	<b>4.799</b>	<b>5.314</b>	<b>3.662</b>

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)  
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và  
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.897.837.339	63.943.618.975	69.841.456.314	43.561.778.468
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.830.338.991	7.525.352.453	9.355.691.444	7.159.389.743
Thay đổi các khoản dự phòng	03	-	557.075.002	557.075.002	204.594.461
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	04	-	(380.303.239)	(380.303.239)	(203.984.527)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.048.161.213)	(57.759.598.714)	(59.807.759.927)	(7.498.422.623)
Chi phí lãi vay	06	215.364.598	573.467.835	788.832.433	935.923.949
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.895.379.715</b>	<b>14.459.612.312</b>	<b>20.354.992.027</b>	<b>44.159.279.471</b>
Giảm các khoản phải thu	09	393.739.007	31.913.498.407	32.307.237.414	6.544.377.198
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.512.520.029)	(3.062.956.367)	(8.575.476.396)	8.439.739.918
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	5.981.986.341	(4.558.979.746)	1.423.006.595	(8.538.233.625)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	660.069.177	(1.246.632.335)	(586.563.158)	(11.768.592.468)
Tiền lãi vay đã trả	13	(343.675.342)	(566.330.026)	(910.005.368)	(844.071.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(9.040.998.048)	(9.040.998.048)	(5.934.426.524)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	642.067.673	753.363.179	1.395.430.852	63.675.632
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.683.882.863)	(6.349.504.226)	(8.033.387.089)	(1.387.392.965)
<b>Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.033.163.679</b>	<b>22.301.073.150</b>	<b>28.334.236.829</b>	<b>30.734.354.765</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)  
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và  
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(180.109.872)	(866.947.976)	(1.047.057.848)	(1.043.633.816)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	335.501.409	335.501.409	214.303.785
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.215.820.000)	(55.628.215.642)	(57.844.035.642)	(101.266.233.395)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.237.613.124	55.286.340.799	61.523.953.923	107.698.495.322
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26	-	31.061.186.970	31.061.186.970	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	567.453.972	19.566.970.238	20.134.424.210	2.043.515.470
Tiền chi thuần để mua công ty con	28	-	-	-	(2.695.887.298)
<b>Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.409.137.224</b>	<b>49.754.835.798</b>	<b>54.163.973.022</b>	<b>4.950.560.068</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(721.230.225)	(721.230.225)	(60.784.000)
Tiền vay nhận được	33	-	4.336.114.000	4.336.114.000	15.980.989.878
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.176.888.550)	(5.114.084.000)	(8.290.972.550)	(17.179.359.053)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30.452.398.300)	(30.452.398.300)	(31.984.548.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.176.888.550)</b>	<b>(35.951.598.525)</b>	<b>(35.128.487.075)</b>	<b>(33.243.701.875)</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)  
cho kỳ từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2012, 1 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 3 năm 2013 và  
kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
		đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỶ/NĂM	50	7.265.412.353	40.104.310.423	47.369.722.776	2.441.212.958
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ/NĂM	60	15.980.838.005	23.246.250.358	15.980.838.005	13.539.625.047
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ/NĂM</b>	<b>70</b>	<b>23.246.250.358</b>	<b>63.350.560.781</b>	<b>63.350.560.781</b>	<b>15.980.838.005</b>

Trong kỳ/năm có các giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho kỳ từ 1/1/2012	Cho kỳ từ 1/4/2012	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	đến 31/3/2012	đến 31/3/2013	kết thúc	kết thúc
	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	-	30.002.973.940	30.002.973.940	-
Phải trả người bán chuyển sang vay ngắn hạn	-	2.318.930.188	2.318.930.188	-
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	-	1.058.213.030	1.058.213.030	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	-	110.000.000	110.000.000	-

Người lập: *nh*

*Phan Thị Kim Anh*

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2013

Người phê duyệt:



*Nguyễn Hữu Dũng*  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

**NEXIA ACPA CO LTD**  
MEMBER OF NEXIA INTERNATIONAL

<b>Hanoi Office:</b> Level 18 Hoa Binh International Office Building 106 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam Tel: (84.4) 3755 6080 ; Fax: (84.4) 3755 6081	<b>Ho Chi Minh City Office:</b> Level 9 Citilight Tower 45 Vo Thi Sau Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: (84.8) 6291 1268 ; Fax: (84.8) 6291 1269
--	---

Website: [www.nexiaacpa.com](http://www.nexiaacpa.com) \* [www.nexia.com](http://www.nexia.com)